

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 15/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Xuân Vinh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Hoàn.

Ông Bùi Đăng Thanh.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:**  
Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Hữu B - Sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà Z, phố LTT, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1964. (Vắng mặt lần thứ hai).

Đại chỉ: Thôn ML, xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 và tại phiên tòa anh Lê Hữu B trình bày: Xuất phát từ quan hệ quen biết có con cùng học phổ thông với nhau. Ngày 20/6/2013 chị Nguyễn Thị T đã đến gia đình anh thỏa thuận mua các loại dụng cụ phục vụ xây dựng gồm: Xe rửa, bộ tời bê tông, dây cáp và dây cu loa giá trị là 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Sau khi giao hàng và ký vào hợp đồng mua bán, chị T đã thỏa thuận miệng, sau khoảng 01 tháng sẽ thanh toán 4.800.000đ, anh đã đồng ý cho chị T nợ 01 tháng. Đến hạn chị T không thực hiện theo thỏa thuận, anh đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng chị T cứ trốn tránh không trả cho anh đồng nào, sau đó đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ cho anh biết là ở đâu và làm gì. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho anh số tiền nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/6/2013 là 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

Trong đơn khởi kiện, anh Lê Hữu B đã ghi đúng họ tên địa chỉ của chị Nguyễn Thị T theo địa chỉ ghi trong hợp đồng mua bán tài sản, nhưng khi Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T, thì không gặp được chị T, theo xác nhận của chính quyền địa phương chị Nguyễn Thị T không có mặt tại địa phương, việc chị T vắng mặt tại địa phương, chị T không báo cáo với chính quyền địa phương, nên chính quyền địa phương không biết chị T đi đâu và làm gì. Tòa án xét thấy việc chị Nguyễn Thị T vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện việc tuân theo pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Lê Hữu B số tiền nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/6/2013 là 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và tư cách của các đương sự cũng như trình tự thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Nội dung nguyên đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Xét đề nghị của Nguyên đơn yêu Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng mua bán máy ngày 20/6/2013. Đủ cơ sở xác định ngày 20/6/2013 anh Lê Hữu B bán cho chị Nguyễn Thị T một số hàng hóa gồm: Xe rửa, bộ tời bê tông, dây cáp và dây cu loa giá trị 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương niêm yết các văn bản tố tụng, nhưng chị T không trình bày ý kiến về việc khởi kiện của anh Lê Hữu B, chị T không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, nên đề nghị của anh Lê Hữu B là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt chị Nguyễn Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện anh Lê Hữu B đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện là chị Nguyễn Thị T, nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho chị T là do chị T vắng mặt tại địa phương, chị T không thông báo cho anh Lê Hữu B biết nơi cư trú mới của

mình, được coi là cố tình dấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

**\* Căn cứ vào:** Các Điều 430, 431 và Điều 440 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu B:

- Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Lê Hữu B số tiền nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/6/2013 là 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Hữu B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**\* Về án phí:**

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Anh Lê Hữu B không phải chịu án phí. Trả lại cho anh Lê Hữu B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006837 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

**\* Về quyền kháng cáo:**

- Anh Lê Hữu B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Xuân Vinh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**